

**HAIHACHEM****Xyclohexanon**

Ngày cập nhật: 01/01/2025

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY****1.1. Nhận dạng hóa chất**

Tên sản phẩm : Xyclohexanon
Tên gọi khác : Cyclohexanone, CYC
Công thức hóa học : C₆H₁₀O
Số CAS : 108-94-1
Số EINECS : 203-631-1
Số UN : 1915
Mục đích sử dụng : Sử dụng như một dung môi chỉ dùng trong các qui trình sản xuất công nghiệp.

1.2. Nhận dạng Công ty

Nhà cung cấp/nhập khẩu : CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HẢI HÀ
Địa chỉ : Lô CN5.2Q, Khu hóa chất hóa dầu, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.883.2929
Fax : 0225.883.2929
Email : haiha@haihachem.com
Website : http://haihachem.com/

2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ ĐỘC HẠI**2.1. Phân loại theo hệ thống GHS**

Phân loại	Chất lỏng dễ cháy	Cấp 3
	Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Cấp 2A
	Độc tính cấp tính- đường uống	Cấp 4
	Kích ứng da/ ăm mòn da	Cấp 2
	Nguy hại hô hấp	Cấp 3
	Độc tính sinh sản	Cấp 2
	Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm một lần – hệ hô hấp, thần kinh, xương	Cấp 1

**Biểu tượng nhãn GHS****2.2. Cảnh báo nguy hiểm****Lời cảnh báo**

Nguy hiểm

Các cảnh báo nguy hiểm

Nguy hại vật lý

H226: Chất lỏng và hơi có nguy cơ cháy cao

Nguy hại sức khỏe

H302: Có thể gây hại nếu nuốt phải hoặc đi vào đường hô hấp

H312: Gây kích da, độc trên da

H315: Gây kích da, ăn mòn da

H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng

H332: Độc tính cấp tính, hít phải

Nguy hại môi trường

Không được phân loại vào nguy hại môi trường theo tiêu chí của GHS.

Biện pháp phòng ngừa

Phòng ngừa

P210: Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa, bề mặt nóng. Cấm hút thuốc

P233: Đóng kín thùng

P240: Phải nối dây liên kết, dây dẫn tiếp đất với thùng chứa và các vật tư tiếp nhận.

P241: Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.

P242: Chỉ sử dụng các thiết bị không tạo tia lửa.

P243: Có biện pháp phòng ngừa sự phóng tĩnh điện

P280: Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ.

P264: Rửa tay kỹ càng sau khi làm việc với hóa chất

P261: Tránh hít phải bụi/khói/khí/sương/hơi/nước xịt ra

P270+P271: Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng sản phẩm. Chỉ sử dụng bên ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt

Biện pháp ứng phó

P303+P361+P353: Nếu dính trên da, hoặc tóc: tháo/cởi bỏ ngay lập tức toàn bộ quần áo bị dính phải. Rửa sạch da bằng vòi nước/vòi hoa sen.

P370+P378: Trong trường hợp bị cháy: sử dụng phương tiện thích hợp để dập tắt

P305+P351+P338: Nếu tiếp xúc với mắt: rửa kỹ với nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng nếu có và dễ dàng. Tiếp tục rửa.

P337+P313: Nếu vẫn bị kích ứng mắt: tìm đến tư vấn/chăm sóc y tế.

P304+P340: Nếu hít phải: di chuyển sang nơi không khí trong lành và giữ tư thế thoải mái để hít thở

P312: Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn thấy không khỏe

P301+P310: Nếu nuốt phải: gọi ngay cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ

P331: Không gây nôn

P302+P352: Nếu dính vào da, rửa sạch bằng nước

Nơi cất giữ

P403+P235: Cất giữ ở nơi thông gió, mát mẻ

P405: Nơi cất giữ phải được khóa lại

P233: Đóng kín thùng



Thải bỏ

P501: Vứt bỏ các thành phần và thùng chứa tới nơi chôn lấp chất thải phù hợp với quy định của địa phương và quốc gia

3. THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên hóa chất	Số CAS	Hàm lượng
CYCLOHEXANONE	108-94-1	<=100%

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**4.1. Sau khi hít phải**

Chuyển nạn nhân sang nơi có không khí trong lành. Nếu không hồi phục nhanh thì chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị.

4.2. Sau khi tiếp xúc với da

Loại bỏ quần áo bị nhiễm độc. Ngay lập tức rửa sạch với nhiều nước trong ít nhất 15 phút, sau đó rửa bằng xà phòng với nước nếu có sẵn. Nếu đỏ, sưng, đau và/hoặc xuất hiện mụn, chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị.

4.3. Sau khi tiếp xúc với mắt

Ngay lập tức rửa sạch mắt với nhiều nước trong ít nhất 15 phút trong khi giữ mí mắt mở. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất điều trị thêm.

4.4. Sau khi nuốt phải

Các hóa chất ăn mòn sẽ phá hủy niêm mạc miệng, họng và thực quản, ngoài ra, có nguy cơ cao bị hít vào phổi của nạn nhân trong quá trình nôn, làm tăng thêm các vấn đề y tế. Nếu nạn nhân còn tỉnh táo và không co giật, hãy cho nạn nhân uống 1 hoặc 2 cốc nước để pha loãng hóa chất và **NGAY LẬP TỨC** gọi đến bệnh viện hoặc trung tâm chống độc. **NGAY LẬP TỨC** vận chuyển nạn nhân đến bệnh viện. Nếu nạn nhân co giật hoặc bất tỉnh, không cho bất cứ thứ gì vào miệng, đảm bảo rằng đường thở của nạn nhân được thông thoáng và đặt nạn nhân nằm nghiêng với đầu thấp hơn thân. **KHÔNG GÂY NÔN**. Vận chuyển nạn nhân **NGAY LẬP TỨC** đến bệnh viện.

4.5. Chú ý cho bác sĩ điều trị

Các triệu chứng/tác động quan trọng nhất

Việc hít vào nồng độ hơi cao có thể gây suy nhược hệ thần kinh trung ương dẫn đến chóng mặt, choáng váng, nhức đầu, buồn nôn và mất chuyển động. Nếu liên tục hít phải có thể gây bất tỉnh và tử vong. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng da có thể bao gồm cảm giác nóng rát, và/hoặc khô, nứt da. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác nóng rát, đỏ, sưng, và/hoặc mờ mắt. Nếu hóa chất đi vào phổi, các dấu hiệu và triệu chứng có thể gồm ho, nghẹt thở, thở khô khè, khó thở, tắc nghẽn ngực, thở gấp, và/hoặc sốt. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng hô hấp có thể bao gồm cảm giác nóng rát ở mũi, ho và khó thở.

Chăm sóc y tế, xử lý đặc biệt ngay lập tức

Khả năng viêm phổi hóa học. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc để được hướng dẫn.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**5.1. Nguy hại cụ thể**

Các thùng chứa tiếp xúc với nhiệt độ cao từ các đám cháy nên được làm mát bằng một lượng nước lớn. Hơi này nặng hơn không khí, lan tỏa dọc theo mặt đất và có thể bắt lửa ở xa.

5.2. Phương tiện chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp

Bọt chống cồn, bình xịt nước hoặc sương. Bọt khô hóa chất, CO₂, cát hoặc đất chỉ có thể dùng cho đám cháy nhỏ. Không xả nước chữa cháy vào khu vực thủy sinh.



Phương tiện chữa cháy không phù hợp Cháy lớn	Tia nước mạnh. Phun nước, sương mù hoặc bột chống cồn. Tránh phun trực tiếp các luồng nước thẳng hoặc đặc vào sản phẩm. Nếu có thể thực hiện an toàn, hãy di chuyển các thùng chứa không bị hư hại ra khỏi khu vực xung quanh đám cháy. Mặc quần áo bảo hộ và thiết bị dưỡng khí đầy đủ.
5.3. Thiết bị bảo hộ cho lính cứu hỏa	
5.4. Lời khuyên khác	Làm mát thùng chứa bằng cách phun nước.

6. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ TAI NẠN

Lưu ý: Tuân theo các quy định liên quan của địa phương và quốc tế.

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân và thiết bị bảo vệ	Cô lập khu vực nguy hiểm và từ chối các cá nhân không liên quan hoặc không có đồ bảo hộ vào khu vực. Tránh ngược gió và các khu vực thấp. Bảo vệ cá nhân: bộ đồ bảo hộ hóa chất và mặt nạ lọc khí và hơi hữu cơ thích ứng với nồng độ trong không khí của chất đó.
6.2. Biện pháp phòng ngừa môi trường	Bịt kín các lỗ rò rỉ nếu có thể mà không gây rủi ro cho cá nhân. Loại bỏ tất cả các nguồn có thể gây cháy ở khu vực xung quanh. Dùng các công cụ ngăn chặn thích hợp (thiết bị và nước cứu hỏa) để tránh ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn lan tỏa hoặc xâm nhập vào cống, mương hoặc sông bằng cách dùng cát, đất hoặc các vật ngăn chặn thích hợp khác. Ví dụ, cố gắng phân tán hơi hoặc hướng đi của nó tới nơi an toàn bằng cách xịt sương. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị.
6.3. Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và dọn dẹp	Thu gom chất lỏng rò rỉ và tràn ra trong các thùng chứa có thể bịt kín càng xa càng tốt. Hấp thụ chất lỏng còn lại trong cát hoặc chất hấp thụ trơ. Sau đó lưu trữ và xử lý theo quy định của địa phương. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy. Thông gió cho khu vực bị tràn hoặc rò rỉ. Đối với lượng nhỏ chất lỏng có chứa cyclohexanone, thấm vào khăn giấy và đặt trong một vật chứa thích hợp. Đặt khăn ở nơi an toàn (như tủ hút khí) để bay hơi. Để đủ thời gian cho hơi bay hơi để ống dẫn khí của tủ hút không còn hơi cyclohexanone. Đốt giấy ở nơi thích hợp, tránh xa các vật liệu dễ cháy. Lượng lớn chất lỏng chứa cyclohexanone có thể được hấp thụ trong vermiculite, cát khô, đất hoặc vật liệu tương tự và được đặt trong một thùng chứa thích hợp. Không được phép để cyclohexanone xâm nhập vào không gian hạn chế như cống rãnh vì có khả năng xảy ra nổ. Có thể thu gom cyclohexanone bằng cách hút chân không bằng hệ thống thích hợp. Nếu sử dụng hệ thống hút chân không, không được có nguồn đánh lửa nào ở gần nơi tràn và phải cung cấp các thiết bị ngăn ngừa cháy ngược.
6.4. Tư vấn bổ sung	Thông báo cho chính quyền nếu xảy ra bất kỳ xâm nhiễm nào ra công cộng hoặc môi trường. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ với không khí.

7. LƯU Ý VỀ THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ

7.1. Lưu ý về thao tác	
Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn	Tránh hít phải hơi hoặc tiếp xúc với hóa chất. Chỉ sử dụng ở nơi thông gió. Rửa kỹ càng sau khi xử lý. Về việc hướng dẫn lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, xem chương 8 của tài liệu này. Dùng thông tin trong tài liệu này làm đầu vào để đánh



Thận trọng trong việc xử lý

giá tình trạng rủi ro trong khu vực địa phương để giúp xác định các biện pháp kiểm soát phù hợp cho giải quyết, lưu trữ và xử lý an toàn hóa chất này. Tránh hít phải hơi và/hoặc sương. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các tác nhân gây cháy. Tránh tia lửa. Điện tĩnh có thể tạo ra trong quá trình bơm. Điện tĩnh có thể tạo ra lửa. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dòng trong quá trình bơm để tránh tạo ra sự phóng tĩnh điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi đường ống ngập bằng hai lần đường kính của nó, sau đó là $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh làm bắn nước. Không dùng khí nén để phun, xả hoặc tiến hành các xử lý.

7.2. Lưu ý về lưu trữ

Các điều kiện lưu trữ an toàn

Các bể chứa khối lượng lớn phải được bao bọc xung quanh. Hơi từ bể chứa không được để thoát ra ngoài khí quyển. Sự thất thoát hơi trong quá trình lưu trữ nên được kiểm soát bởi hệ thống xử lý hơi phù hợp. Phải được lưu trữ trong một khu vực thông gió được bao bọc xung quanh, tránh ánh sáng mặt trời, các nguồn đánh lửa và các nguồn nhiệt khác. Tránh xa các bình xịt, các chất dễ cháy, các chất oxy hóa, chất ăn mòn và các sản phẩm dễ cháy khác mà không gây hại hoặc nhiễm độc cho con người và môi trường. Hơi nặng hơn không khí. Cần thận với sự tích hơi trong hố và những nơi có không gian hẹp.

Lưu ý khi vận chuyển hóa chất

Sự phóng tĩnh điện có thể xảy ra trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đóng bể chứa lại khi không sử dụng. Không dùng khí nén cho việc phun, xả hoặc tiến hành các xử lý.

Vật liệu khuyến dùng

Đối với các thùng chứa, hoặc vật liệu lót thùng chứa, dùng thép nhẹ, thép không gỉ. Đối với sơn thùng chứa, dùng sơn epoxy, sơn silicat kẽm.

Lời khuyên về thùng chứa

Các thùng chứa, ngay cả các thùng trống, có thể chứa hơi gây nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các thao tác tương tự trên hoặc gần các thùng chứa.

7.3. Lưu ý khác

Đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định địa phương liên quan đến xử lý và các thiết bị lưu trữ. Dùng thông tin trong tài liệu này làm đầu vào để đánh giá tình trạng rủi ro trong khu vực địa phương để giúp xác định các biện pháp kiểm soát phù hợp cho giải quyết, lưu trữ và xử lý an toàn hóa chất này.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1. Thông số kiểm soát

Các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Chất	Nguồn	Kiểu	ppm	mg/m ³	Ký hiệu
Cyclohexanone	ACGIH	RD50	756.0		
		REL-TWA	25		
		PEL-TWA	50		
		IDLH	700		
		TLV-STEL	50		
	ICSC	EU-OEL	40.8		

8.2. Các kiểm soát phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Mức độ bảo vệ và các loại kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo các điều kiện phơi nhiễm có thể xảy ra. Việc chọn các kiểm soát dựa trên sự đánh giá tình trạng rủi ro trong khu vực địa phương. Các phương pháp thích hợp gồm: Có sự thông gió chống cháy nổ để kiểm soát nồng độ không khí dưới mức giới hạn cháy nổ. Có hỗ trợ sử dụng khăn cấp cho việc tắm và rửa mắt.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia. Kiểm tra với các nhà cung cấp PPE.

N:02
CỘNG
HỘ
CỘ P
OÁC
HAI
HACH
PHỐ



Bảo vệ hô hấp	(APF = 25) Bất kỳ máy thở cung cấp không khí nào được vận hành ở chế độ dòng chảy liên tục (APF = 25) Bất kỳ máy trợ thở lọc không khí nào có hộp lọc hơi hữu cơ Lên đến 700 ppm: (APF = 50) Bất kỳ máy trợ thở hóa chất nào có mặt nạ kín và hộp hơi hữu cơ APF = 50) Bất kỳ máy trợ thở toàn mặt, lọc không khí nào (mặt nạ phòng độc) có hộp chứa hơi hữu cơ kiểu cầm, gắn phía trước hoặc phía sau (APF = 50) Bất kỳ máy trợ thở nào có nguồn điện, lọc không khí có mặt nạ khí và hộp chứa hơi hữu cơ (APF = 50) Bất kỳ thiết bị thở tự cung cấp nào có mặt nạ toàn bộ (APF = 50) Bất kỳ máy thở cung cấp không khí nào có mặt nạ kín Trường hợp khẩn cấp hoặc có kế hoạch xâm nhập vào vùng có nồng độ không xác định hoặc điều kiện IDLH: (APF = 10.000) Bất kỳ thiết bị thở tự cung cấp nào có mặt nạ toàn bộ và được vận hành ở chế độ áp suất theo nhu cầu hoặc chế độ áp suất dương khác (APF = 10.000) Bất kỳ máy trợ thở cung cấp không khí nào có mặt nạ toàn bộ và được vận hành ở chế độ áp suất theo yêu cầu hoặc chế độ áp suất dương khác kết hợp với thiết bị thở áp suất dương tự cung cấp phụ trợ (APF = 50) Bất kỳ máy trợ thở toàn mặt, lọc không khí nào (mặt nạ phòng độc) có hộp chứa hơi hữu cơ kiểu cầm, gắn phía trước hoặc phía sau
Bảo vệ tay	Trường hợp phải tiếp xúc với hóa chất bằng tay, có thể sử dụng găng tay được phê duyệt theo các tiêu chuẩn có liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN374, Mỹ: F739, AS/NZS: 2161) được làm từ các vật liệu sau có thể bảo vệ hóa chất phù hợp: Bảo vệ lâu dài: Viton. Bảo vệ/tiếp xúc bất ngờ: cao su Nitrile. Sự phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ: tần suất và thời gian tiếp xúc, mức kháng hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dày găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến từ các nhà cung cấp găng tay. Găng tay bị nhiễm độc phải được thay thế. Vệ sinh cá nhân là một yếu tố quan trọng của việc bảo vệ tay hiệu quả. Găng tay chỉ được đeo khi tay sạch sẽ. Sau khi dùng găng tay, phải rửa và lau khô tay. Nên dùng kem dưỡng ẩm không có hương liệu. Dùng kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (Kính bảo hộ đơn).
Bảo vệ mắt	Sử dụng quần áo bảo hộ chống hóa chất. Giày và ủng cũng phải có khả năng chống hóa chất.
Bảo vệ cơ thể	Không có thông tin.
Nguy hiểm nhiệt	
Phương pháp giám sát	Việc giám sát nồng độ các chất trong khu vực hít thở của công nhân hoặc tại nơi làm việc chung có thể được yêu cầu để xác nhận việc tuân thủ OEL (giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp) và sự phù hợp của các kiểm soát phơi nhiễm. Đối với một số chất, kiểm soát sinh học cũng có thể phù hợp. Về dữ liệu của các phương pháp giám sát, xem ví dụ được đưa ra dưới đây hoặc liên hệ với nhà cung cấp. Các phương pháp khác cũng có thể có sẵn. Viện sức khỏe và An toàn lao động quốc gia (NIOSH), Hoa Kỳ: Cẩm nang các phương pháp phân tích. http://www.cdc.gov/niosh/nmam/nmammoth.html . Cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (OSHA), Hoa Kỳ: Phương pháp lấy mẫu và phân tích, http://www.oshaslc.gov/dts/sltc/methods/toc.html . Cơ quan Sức khỏe và An toàn (HSE), Vương quốc Anh: Phương pháp xác định các chất độc hại, Phải tuân thủ các hướng dẫn của địa phương về giới hạn phát thải đối với các chất dễ bay hơi về việc xả khí thải có chứa hơi.
Kiểm soát phơi nhiễm môi trường	

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC



Cảm quan	Chất lỏng không màu
Mùi	Đặc trưng
Ngưỡng mùi	Ngưỡng mùi thấp: 0,12 ppm Ngưỡng mùi cao: 100,0 ppm
pH	Không áp dụng
Điểm sôi	154-156°C
Điểm nóng chảy/đóng băng	-31 °C
Điểm chớp cháy	44 °C
Giới hạn nổ/cháy trong không khí	1.1%-9.4%
Nhiệt độ tự bốc cháy	420°C
Áp suất hơi	0.5 kPa ở 20°C
Trọng lượng riêng	0,9478 ở 20 °C
Độ hòa tan trong nước	87 G/L Ở 20 °C.
Độ nhớt	2,2 mPa.s (=cP) ở 25 °C
Mật độ hơi (không khí = 1)	3.4
Trọng lượng phân tử	98,14 g/mol

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

10.1. Độ ổn định hóa học	Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường.
10.2. Điều kiện cần tránh	Tránh bất cứ nguồn nhiệt nào. Tránh tiếp xúc với nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và tĩnh điện.
10.3. Chất không tương thích	Tránh xa: peroxit, tác nhân oxy hóa, axit mạnh, amin.
10.4. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Phân hủy nhiệt phụ thuộc nhiều vào điều kiện. Một hỗn hợp phức tạp gồm các chất rắn, chất lỏng và khí trong không khí, bao gồm CO, CO ₂ và các hợp chất hữu cơ khác sẽ được tạo ra khi chất này trải qua quá trình đốt cháy hoặc bốc nhiệt hoặc oxy hóa.
10.5. Độ nhạy phóng điện tĩnh	Có.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1. Thông tin về tác động độc hại

Cơ sở đánh giá	Thông tin được đưa ra dựa trên việc thí nghiệm sản phẩm, và/hoặc các chất tương tự, và/hoặc các thành phần tương tự.
Các cách lây nhiễm	Con đường chính dẫn đến phơi nhiễm là hít vào mặc dù sự nhiễm độc có thể xảy ra qua tiếp xúc với da hoặc nuốt phải.

11.2. Ngộ độc cấp tính

Ngộ độc cấp tính bằng đường hô hấp	Nồng độ độc hại thấp nhất được ở người công bố: 0,09 mg/m ³
Ngộ độc cấp tính qua da	LD50 ở chuột, dưới da 2170mg/kg
Ngộ độc cấp tính khi hít phải	LC50 ở chuột hít vào 8000 ppm/4 giờ

11.3. Ăn mòn/kích ứng da

Ở thỏ, 20mg.

11.4. Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng

Gây kích ứng mắt.



11.5. Kích ứng hô hấp	Gây kích ứng đường hô hấp (hơi) nhẹ.
11.6. Mẫn cảm với hô hấp hoặc da	Được cho là gây mẫn cảm cho da.
11.7. Nguy hại hô hấp	Tràn vào phổi khi nuốt hoặc nôn có thể gây viêm phổi do hóa chất có thể gây tử vong.
11.8. Gây đột biến tế bào mầm	Không gây đột biến.
11.9. Gây ung thư	A3. Chất gây ung thư ở động vật được xác nhận nhưng chưa rõ liên quan đến con người.
11.10. Độc tính sinh sản và phát triển	Tác động sinh sản, hít vào/chuột: 105,2 mg/m ³ (1-20 ngày mang thai). Tác động đến khả năng sinh sản: Tỷ lệ tử vong trước khi cấy ghép
11.11. Độc tính cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn.	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
11.12. Độc tính cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại.	Thông tin không có sẵn.
11.13. Thông tin thêm	Phơi nhiễm có thể làm tăng cường độ tính của các chất khác.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

12.1. Cơ sở đánh giá	Dữ liệu độc tố sinh thái dựa trên thử nghiệm sản phẩm.
12.2. Ảnh hưởng môi trường	Cyclohexanone được ước tính là có tính di động cao trong đất (1,3, SRC). Do áp suất hơi vừa phải (2) và khả năng hấp phụ thấp vào đất (3), nên dự kiến nó sẽ bay hơi từ đất bề mặt. Mặc dù dữ liệu còn thiếu, nhưng nó cũng có thể trải qua quá trình quang phân trực tiếp trên bề mặt đất (4). Cyclohexanone dễ dàng phân hủy sinh học theo các thử nghiệm sàng lọc hiếu khí (5-12) và do đó dự kiến sẽ phân hủy sinh học trong đất (SRC).
12.3. Tính lưu động	Nếu hóa chất ngấm vào đất, một hoặc nhiều thành phần sẽ lưu động và gây ô nhiễm nguồn nước ngầm. Hòa lẫn vào nước
12.4. Tính phân hủy	Dễ phân hủy sinh học.
12.5. Khả năng tích tụ sinh học	Không tích lũy sinh học đáng kể.

13. XỬ LÝ CHẤT THẢI

13.1. Loại bỏ chất thải	Phục hồi hoặc tái chế nếu có thể. Trách nhiệm của người xử lý chất thải là xác định độc tính và tính chất vật lý của chất thải được tạo ra để xác định phương pháp phân loại và phương pháp thải bỏ phù hợp theo quy định hiện hành. Không vứt bỏ vào trong môi trường, cống hoặc nguồn nước. Chất thải không được phép làm ô nhiễm vào đất hoặc nguồn nước.
13.2. Loại bỏ thùng chứa	Xả hết thùng chứa. Sau khi xả, thông hơi ở một nơi an toàn cách xa lửa. Phần cặn bã có thể gây ra nguy hại cháy nổ. Không đâm, cắt, hoặc hàn các thùng phuy chưa được làm sạch. Chuyển đến nơi thu hồi thùng phuy hoặc thu hồi kim loại.
13.3. Luật pháp địa phương	Việc xử lý chất thải phải phù hợp với luật và quy định áp dụng cho khu vực, quốc gia, và địa phương.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

14.1. Vận tải trên mặt đất (ADR)	
Hạng	: 3



Nhóm đóng gói	: III
Số nhận dạng nguy hại	: 30
Số UN	: 1915
Nhãn cảnh báo (rủi ro chính)	: 3
Tên hàng vận chuyển	: Cyclohexanone
Nguy hiểm cho môi trường	: Không

14.2. Vận tải hàng nguy hiểm đường biển (IMDG)

Số nhận dạng	: UN 1090
Tên hàng vận chuyển	: Cyclohexanone
Hạng/mục	: 3
Nhóm đóng gói	: II
Chất gây ô nhiễm biển	: Không

14.3. Vận tải hàng không (IATA) (Các quốc gia khác nhau có thể áp dụng)

Số UN	: 1090
Tên hàng vận chuyển	: Cyclohexanone
Hạng/mục	: 3
Nhóm đóng gói	: II

Vận tải đường biển

Cấp ô nhiễm	: Z
Loại tàu	: 3
Tên sản phẩm	: Cyclohexanone
Phòng ngừa đặc biệt	: Tham khảo Chương 7, Xử lý & Lưu trữ, để biết các biện pháp phòng ngừa đặc biệt mà người dùng cần lưu ý hoặc cần tuân thủ liên quan đến vận chuyển.

Thông tin thêm

Sản phẩm này có thể được vận chuyển dưới đệm khí nito. Nito là một loại khí không mùi không màu. Phơi nhiễm nito có thể gây ngạt hoặc tử vong. Nhân viên phải tuân thủ các biện pháp phòng ngừa an toàn nghiêm ngặt khi hoạt động trong không gian hẹp.

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT**15.1. Tình trạng khai báo, đăng ký danh sách hóa chất của các quốc gia**

AICS	Đã liệt kê	
DSL	Đã liệt kê	
INV (CN)	Đã liệt kê	
ENCS (JP)	Đã liệt kê	
TSCA	Đã liệt kê	
EINECS	Đã liệt kê	203-631-1
KECL (KR)	Đã liệt kê	
PICCS (PH)	Đã liệt kê	

15.2. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:



- Luật hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
- Nghị định 82/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ
- QCVN 05A:2020/BCT, quy chuẩn quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm

16. THÔNG TIN KHÁC

16.1. Cảnh báo nguy hiểm theo GHS

H226	Chất lỏng và hơi có nguy cơ cháy cao
H302	Có thể gây hại nếu nuốt phải hoặc đi vào đường hô hấp
H312	Gây kích da, độc trên da
H315	Gây kích da, ăn mòn da

16.2. Lưu ý cho người đọc

Thông tin trong tài liệu này được biên soạn dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi nhằm để sử dụng cho mục đích bảo vệ sức khỏe, an toàn và môi trường. Hóa chất trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo điều kiện sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HẢI HÀ